

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 198/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 6 - 2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh;

2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Như Q**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã B, thành phố C, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ tạm trú: Khu phố D, phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Trần Trọng T**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ thường trú: Khu phố F, phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang bị giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai.

(chị Q, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Như Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Trọng T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố C, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị và anh T đã sống ly thân với nhau hơn 10 năm nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh T có 01 con chung là cháu Trần Tuấn Đ, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2008. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Đ cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tạm thời không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung.

Theo biên bản lấy lời khai và biên bản làm việc, bị đơn anh Trần Trọng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị Q. Anh đồng ý ly hôn với chị Q.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh và chị Q có 01 con chung là cháu Trần Tuấn Đ, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2008. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ và tạm thời anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh và chị Q không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Anh và chị Q không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định; Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị

Q được ly hôn với anh T; Về con chung: Giao cháu Trần Tuấn Đ, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2008 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí sơ thẩm: Chị Q phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về tư cách tố tụng, quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Phạm Như Q có đơn yêu cầu ly hôn với anh Trần Trọng T, địa chỉ thường trú: Khu phố F, phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Nai và yêu cầu Tòa án xác định người trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn. Căn cứ theo quy định tại các điều 28, 35, 39 và 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, chị Q được xác định là nguyên đơn, anh T được xác định là bị đơn trong vụ án; quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự:

Nguyên đơn chị Phạm Như Q và bị đơn anh Trần Trọng T đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Q và anh T đã đăng ký kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã B, thành phố C, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26/08 ngày 17 tháng 6 năm 2008 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Theo lời khai của chị Q trong quá trình giải quyết vụ án: chị Q và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn khi cùng chung sống do bất đồng về quan điểm sống. chị Q và anh T đã sống ly thân hơn 10 năm. Chị Q xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh T.

Xét thấy, tại biên bản xác minh ngày 09 tháng 5 năm 2023, Ủy ban nhân dân phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Nai xác định anh T là người nghiện hút ma túy, không lo làm ăn. Mặc dù, vợ anh T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không có kết quả. Vì vậy, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải

quyết được. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Q và anh T đều xác định vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân được hơn 10 năm. anh T hiện nay đang bị giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai và cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với chị Q. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Q và anh T là có thật, trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy việc chị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Q và anh T đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Tuấn Đ, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2008. Các đương sự đều thống nhất giao cháu Đ cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Q và anh T xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Q và anh T xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên cần chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 68, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các điều 9, 10 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật số: 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Như Q đối với bị đơn anh Trần Trọng T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Tuấn Đ, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2008 cho chị Phạm Như Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh Trần Trọng T tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Như Q phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006151 ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Chị Q đã nộp xong.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và các điều 7, 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND X. B;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Bảo

